TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/2025/DS-PT
Ngày 20-01-2025
V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Ông Nguyễn Văn Dũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng đặt cọc.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 326/2024/QĐ-PT ngày 17 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 08/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Trần Minh V, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Minh H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Theo đơn khởi kiện ngày 15/4/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Minh H, trình bày: Ngày 25/01/2024 âl vợ chồng ông có làm giấy tờ mua bán lúa với ông Trần Minh V, nội dung thỏa thuận*

là ông Trần Minh V sẽ bán cho ông Nguyễn Minh H 100 tấn lúa loại OM18, giá 7.700 đồng/ký, ông H giao tiền cọc cho ông V 40.000.000 đồng theo hình thức chuyển khoản 34.000.000 đồng và giao tiền mặt 6.000.000 đồng tại quán nhà ông H, khi giao tiền 6.000.000 đồng chỉ có mặt vợ chồng ông H và ông V, thời gian dự kiến giao lúa từ ngày 05/02/2024 âl đến ngày 05/3/2024 âl là dứt điểm. Sau đó ông H và ông V có liên lạc lại và hẹn lại ngày cắt lúa là ngày 28, ngày 29 đến ngày 05/3/2024 âl là dứt điểm sau đó ngày 27 ông H lại nhà ông V thì gia đình ông V đã cắt lúa giao cho người khác không có mặt ông V ở nhà, ông H liên lạc với ông V không được và ông V không có giao lúa như thỏa thuận cho ông H cũng không trả lại tiền cọc cho ông H. Do ông V không giao lúa cho ông H nên ông H không có lúa giao cho công ty N phải bồi thường cho công ty.

Ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Minh V phải trả lại cho ông H tiền cọc lúa 40.000.000 đồng và tiền phạt cọc 40.000.000 đồng, tổng cộng 80.000.000 đồng.

** Bị đơn ông Trần Minh V được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Minh H.*

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 và Quyết định sữa chữa, bổ sung bản án, quyết định số 40/2024/QĐ- TA ngày 28/10/2024 cùng của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 328; Điều 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh H đối với bị đơn ông Trần Minh V về tranh chấp hợp đồng đặt cọc.

Buộc bị đơn ông Trần Minh V phải có nghĩa vụ giao trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Minh H số tiền 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Minh H yêu cầu ông Trần Minh V trả tiền cọc 6.000.000 đồng và tiền phạt cọc 40.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/10/2024, nguyên đơn ông Nguyễn Minh H kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên và yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc bị đơn có nghĩa vụ trả tiền cọc và phạt cọc cho nguyên đơn tổng cộng là 80.000.000 đồng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Minh H không rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo; Do bị đơn không đến nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Đồng thời, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Minh H, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Minh H đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, đúng người có quyền kháng cáo, còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 275 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên đủ điều kiện để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Trần Minh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do hoặc bất khả kháng; việc vắng mặt của họ cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án:

[3] Nguyên đơn khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn ông Trần Minh V trả cho ông H số tiền cọc là 40.000.000 đồng, tiền phạt cọc là 40.000.000 đồng. Tổng hai khoản là 80.000.000đồng.

[4] Bị đơn ông Trần Minh V được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Minh H.

[5] Tại Bản dân sự sơ thẩm số 111/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị đã tuyên xử: **1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh H đối với bị đơn ông Trần Minh V về tranh chấp hợp đồng đặt cọc. Buộc bị đơn ông Trần Minh V phải có nghĩa vụ giao trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Minh H số tiền 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng). Kể từ ngày bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định

tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì phần này các đương sự không kháng cáo và Viện kiểm sát hai cấp không kháng nghị, nên phần này án đã có hiệu lực pháp luật và không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Minh H yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc bị đơn có nghĩa vụ trả tiền cọc và phạt cọc cho nguyên đơn tổng cộng là 80.000.000 đồng thì nhận thấy:

[6.1] Ông Nguyễn Minh H yêu cầu bị đơn ông Trần Minh V trả lại tiền đặt cọc 40.000.000 đồng do sau khi thỏa thuận đặt cọc ông V đã không thực hiện đúng theo hợp đồng đã thỏa thuận thì thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh cha mẹ ruột của ông V là ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T1 thì ông bà đã khai *" ông H có lại nhà tìm D và có nói việc ông H và D có thỏa thuận bán lúa, sau đó ông, bà có báo lại với D về việc ông H đến nhà tìm D về việc tiền cọc nhưng D trả lời chuyện đó để Dương tính…"*. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn cung cấp cho Tòa án hợp đồng mua bán lúa lập ngày 25/01/2024 nội dung hợp đồng thỏa thuận ông H đưa tiền cọc 40.000.000 đồng cho ông V, sau đó ông H chuyển khoản vào tài khoản của ông V 34.000.000 đồng và giao tiền mặc 6.000.000 đồng, ông H cung cấp bảng sao kê tài khoản thực hiện chuyển khoản cho ông V 34.000.000 đồng. Tòa án xác minh tại Ngân hàng TMCP N1 (V1) – Chi nhánh tỉnh S thì việc ông H có chuyển vào tài khoản ông Trần Minh V là đúng sự thật số tiền 34.000.000 đồng, còn 6.000.000 đồng thì ông H không có chứng cứ chứng minh việc đưa tiền cho ông V. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của ông H và buộc ông V trả cho ông H tiền cọc là 34.000.000 đồng và bác yêu cầu của ông H yêu cầu ông D trả số tiền cọc 6.000.000 đồng là có căn cứ, nên kháng cáo của ông H yêu cầu ông V trả thêm số tiền cọc 6.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[6.2] Ông Nguyễn Minh H yêu cầu bị đơn ông Trần Minh V trả lại tiền phạt cọc 40.000.000 đồng do sau khi thỏa thuận đặt cọc ông V đã không thực hiện đúng theo hợp đồng đã thỏa thuận thì thấy rằng:

[6.2.1] Theo nhận định tại mục [6.1] mục [6] thì có căn cứ khẳng định ông H và ông V có ký hợp đồng mua bán lúa lập ngày 25/01/2024 và sau đó ông H chuyển khoản vào tài khoản của ông V 34.000.000 đồng và ông H cung cấp bảng sao kê tài khoản thực hiện chuyển khoản cho ông V 34.000.000 đồng. Như vậy, số tiền ông H chuyển khoản cho ông V 34.000.000 đồng là tiền đặt cọc mua bán lúa là có căn cứ.

[6.2.2] Xét về lỗi: Sau khi hai bên ký hợp đồng mua bán lúa với nhau, ông H có đặt cọc cho ông V 34.000.000 đồng, thời gian dự kiến giao lúa từ ngày 05/02/2024 âl đến ngày 05/3/2024 âl là dứt điểm. Sau đó ông H và ông V có liên lạc lại và hẹn lại ngày cắt lúa là ngày 28, ngày 29 đến ngày 05/3/2024 âl là dứt điểm sau đó ngày 27 ông H lại nhà ông V thì gia đình ông V đã cắt lúa bán cho người khác không có mặt ông V ở nhà, ông H liên lạc với ông V không được và ông V không có giao lúa như thỏa thuận cho ông H và ông V cũng không trả lại

tiền cọc cho ông H, khi ông V không giao lúa cho ông H nên ông H không có lúa giao cho công ty N phải bồi thường cho công ty. Do đó, việc gia đình ông V cắt lúa bán cho người khác thì ông V là người có lỗi theo hợp đồng mua bán lúa ngày 25/01/2024 với ông H.

[6.2.3] Theo quy định tại Biều 328 Bộ luật dân sự 2015 thì tại: **khoản 1**. Đặt cọc là việc một bên (sau đây gọi là bên đặt cọc) giao cho bên kia (sau đây gọi là bên nhận đặt cọc) một khoản tiền hoặc kim khí quý, đá quý hoặc vật có giá trị khác (sau đây gọi chung là tài sản đặt cọc) trong một thời hạn để bảo đảm giao kết hoặc thực hiện hợp đồng; **Khoản 2.** Trường hợp hợp đồng được giao kết, thực hiện thì tài sản đặt cọc được trả lại cho bên đặt cọc hoặc được trừ để thực hiện nghĩa vụ trả tiền; nếu bên đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì tài sản đặt cọc thuộc về bên nhận đặt cọc; nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Như vậy, theo **Khoản 2.** …; nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

[6.3] Theo phân tích tại các tiểu mục [6.2.1] đến [6.2.3] mục [6.2] thì bị đơn ông V có nhận tiền đặt cọc của ông H 34.000.000 đồng, nhưng sau đó không bán lúa cho ông H và lại bán lúa cho người khác thì coi bị đơn ông V từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Do đó, ông H yêu cầu Tòa án buộc ông V trả tiền phạt cọc là 40.000.000 đồng là chỉ có căn cứ chấp nhận một phần đối với số tiền phạt cọc là 34.000.000 đồng. Số tiền 6.000.000 đồng không có căn cứ chứng minh ông H giao tiền cho ông V, nên phần này không có căn cứ chấp nhận và chỉ chấp nhận một phần kháng cáo của ông H buộc ông V trả tiền phạt cọc là 34.000.000 đồng.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận một phần kháng cáo của ông H và căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[8] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa, nên ông H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Minh H. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 271, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; Điều 328, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh H đối với bị đơn ông Trần Minh V về tranh chấp hợp đồng đặt cọc.

Buộc bị đơn ông Trần Minh V phải có nghĩa vụ giao trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Minh H số tiền cọc 34.000.000 đồng và số tiền phạt cọc 34.000.000 đồng. Tổng cộng là 68.000.000 đồng (Sáu mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Minh H yêu cầu ông Trần Minh V trả tiền cọc 6.000.000 đồng và tiền phạt cọc 6.000.000 đồng. Tổng cộng là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

3. Về án phí sơ thẩm:

3.1. Nguyên đơn ông Nguyễn Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 600.000 đồng, ông H được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 0003970 ngày 14/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăn. Như vậy, ông H được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 1.400.000 đồng.

3.1. Bị đơn ông Trần Minh V phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch 3.400.000 đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Minh H không phải chịu. Ông H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004099 ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- TAND huyện Thạnh Trị;
- Lưu: TDS, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Văn Phụng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Dũ **Nguyễn Văn Toàn** **Hồ Văn Phụng**